

MARKETING AGREEMENT/HỢP ĐỒNG TIẾP THỊ

This Marketing Agreement (this “Agreement”) is made and entered into as of September __, 2018 (the “Effective Date”), between Loop Industries, Inc., a Nevada corporation with a principal place of business at 480 Fernand-Poitras, Terrebonne, Quebec, Canada (“Loop”), and Indorama Loop Technologies, LLC, a Delaware limited liability company with a principal place of business at [***] (“Joint Venture Company”) (each of Loop and Joint Venture Company is a “Party”; together they are the “Parties”).

Hợp đồng tiếp thị (“Hợp đồng”) được xác lập vào __/09/2018 (“Ngày hiệu lực”) giữa Loop Industries, Inc., Công ty cổ phần bang Nevada có trụ sở chính tại 480 Fernand-Poitras, Terrebonne, Quebec, Canada (“Loop”), và Indorama Loop Technologies, LLC, công ty trách nhiệm hữu hạn bang Delaware, có trụ sở tại ____ (“Công ty Liên doanh) (mỗi bên Loop hoặc Công ty liên doanh được gọi là Bên và gọi chung là các Bên)

BACKGROUND/CƠ SỞ

A. Loop and its Subsidiaries (collectively, “Loop Parties”) have developed a proprietary depolymerization process that decouples plastic from fossil fuels, producing dimethylterephthalate (“DMT”) and monoethylene glycol (“MEG”) for the production of polyethylene terephthalate (“PET”) plastic that can be used for a variety of polyester applications.

Loop và công ty con của Loop (gọi chung là “Bên Loop”) đã phát triển được quy trình khử trùng hợp tách nhựa từ nhiên liệu hóa thạch để sản xuất ra dimethylterephthalate (“DMT”) và monoethylene glyco (“MEG”) để sản xuất ra nhựa polyethylene terephthalate (“PET”) có thể được sử dụng cho việc ứng dụng đa dạng các polyester.

B. Concurrently with the execution of this Agreement, Loop Innovations, LLC, a Delaware limited liability company and a subsidiary of Loop (“Loop Innovations”), and Indorama Ventures Holdings LP, a Delaware limited partnership (“IVH”), have formed Joint Venture Company to develop, construct, own and operate chemical upcycling polyester resin (“CUPET”) plants through SPVs (as defined below), the initial of which will be at the facility of [***], a Delaware corporation and a subsidiary of IVH, located in [***], the United States of America (such facility, the “[***] Facility”), and to, among other things, manufacture Licensed Products (as defined below) at the [***] Facility, and potentially other facilities, for **sale** throughout the world (such contemplated venture, the “CUPET Project”).

Cùng với Hợp đồng này, Loop Innovations, LLC, công ty trách nhiệm hữu hạn bang Delaware và là công ty con của Loop (“Loop Innovation”), và Indorama Ventures Holdings LP, một công ty hợp danh trách nhiệm hữu hạn bang Delaware (“IVH”) đã thành lập Công ty liên doanh để phát triển, xây dựng, sở hữu và vận hành các nhà máy nâng cấp nhựa polyester (“CUPET”) thông qua các SPVs (được định nghĩa dưới đây), ban đầu sẽ ở tại cơ sở của [...], một công ty cổ phần bang Delaware và là công ty con của IVH, có trụ sở tại [...], Hoa Kỳ (“Cơ sở [...]”), và sản xuất Sản phẩm được cấp quyền (được định nghĩa dưới đây) cùng với những thứ khác tại Cơ sở [...], và cơ sở khác, để bán trên toàn thế giới (“Dự án CUPET”)

C. Concurrently herewith, Loop has entered into the License Agreement (as defined below) with Joint Venture Company to provide it and SPVs a license to use proprietary technology for the production of DMT and MEG to enable the production of Licensed Product.

Cùng với Hợp đồng này, Loop đã xác lập Hợp đồng li-xăng (được định nghĩa dưới đây) với Công ty liên doanh để cấp cho công ty này và SPV quyền sử dụng công nghệ để sản xuất DMT và MEG để sản xuất Sản phẩm được cấp quyền.

D. Loop retains its sole and exclusive right to enter into Loop Sales Contracts (as defined below) for the supply of Licensed Products to Authorized Customers (as defined below), subject to Joint Venture Company’s rights in this Agreement.

Loop có quyền duy nhất và độc quyền xác lập Hợp đồng bán hàng của Loop (được định nghĩa dưới đây) để cung cấp Sản phẩm được cấp quyền cho các Khách hàng được phép (được định nghĩa dưới đây) phù hợp các quyền của Công ty Liên doanh trong Hợp đồng này.

E. Loop desires to assign rights and obligations with respect to the fulfillment of a specific volume and delivery of Product (as defined below) under Loop Sales Contracts to Joint Venture Company, and Joint Venture Company desires to manufacture and fulfill such Product supply requirements, either directly or through an SPV, as determined by the Parties, all in accordance with the terms and conditions set forth in this Agreement.

Loop có nguyện vọng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc hoàn thành khối lượng cụ thể và giao Sản phẩm (được định nghĩa dưới đây) theo Hợp đồng mua bán của Loop cho Công ty liên doanh, và Công ty liên doanh có nguyện vọng sản xuất và đáp ứng các yêu cầu về cung cấp Sản phẩm, dù là trực tiếp hay thông qua SPV, theo sự xác định của các Bên, theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.

Now, therefore, in consideration of the mutual covenants and premises contained in this Agreement, and other good and valuable consideration, the Parties agree as follows.

Vì vậy, nay các bên, vì những cam kết và điều kiện trao đổi giữa các bên trong Hợp đồng này, cùng những đền bù có giá trị khác, các Bên theo đây thỏa thuận như sau:

ARTICLE 1/ĐIỀU 1
DEFINITIONS
ĐỊNH NGHĨA

1.1 [***]

1.2 “Acceptance Notice” has the meaning set forth in Section 2.3.
“Thông báo chấp nhận” có nghĩa được quy định tại Khoản 2.3

1.3 “Affiliate” means, with respect to a Party, any corporation or other entity that is directly or indirectly controlling, controlled by or under the common control with such Party. For the purpose of this definition, “control” means the direct or indirect ownership of at least fifty percent (50%) of the outstanding shares or other voting rights of the subject entity to elect directors (or, in the case of an entity that is not a corporation, for the election of the corresponding managing authority), or if not meeting the preceding, any entity owned or controlled by or owning or controlling at the maximum control or ownership right permitted in the country where such entity exists.

“Đơn vị liên kết” của một Bên nghĩa là bất kỳ công ty hoặc chủ thể nào trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, bị kiểm soát bởi Bên này hoặc cùng Bên này chịu chung sự kiểm soát. Cho mục đích của định nghĩa này, “kiểm soát” nghĩa là sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 50% cổ phần hiện hữu hoặc quyền biểu quyết khác của một chủ thể để bầu Hội đồng quản trị (hoặc trong trường hợp chủ thể không phải là công ty cổ phần, để bầu cơ quan quản lý tương đương), hoặc nếu không đáp ứng tiêu chí trên, nghĩa là tình trạng bất kỳ chủ thể nào được sở hữu hoặc kiểm soát hoặc sở hữu hoặc kiểm soát ở mức tối đa được phép theo pháp luật của nước nơi chủ thể tồn tại.

1.4 “Alternate Producer” has the meaning set forth in Section 2.3.
“Sản phẩm thay thế” có nghĩa được xác định tại Khoản 2.3

1.5 “Assignment” has the meaning set forth in Section 2.4.
“Thỏa thuận chuyển nhượng” có nghĩa được quy định tại Khoản 2.4

1.6 “Assignment Date” has the meaning set forth in Section 2.4.
“Ngày chuyển nhượng” có nghĩa được quy định tại Khoản 2.4.

1.7 “Authorized Customer” means a Loop Party customer that is a party to a Transferred **Contract**, solely with respect to the Product quantities covered by the Transferred **Contract**.
“Khách hàng được phép” nghĩa là một khách hàng của Bên Loop là một bên của Hợp đồng được chuyển giao, liên quan duy nhất đến khối lượng sản phẩm thuộc phạm vi của Hợp đồng được chuyển giao.

1.8 “Business Day” means any day, other than a Saturday, Sunday or legal holiday, on which banks in Montreal or South Carolina are open for the conduct of their commercial banking business.
“Ngày làm việc” nghĩa là bất kỳ ngày nào (không phải là thứ bảy, Chủ nhật, ngày nghỉ lễ) mà vào ngày đó ngân hàng ở Montreal hoặc South Carolina mở cửa để hoạt động kinh doanh.

1.9 “Considered Contract” has the meaning set forth in Section 2.2.
“Hợp đồng được xem xét” có nghĩa được quy định Khoản 2.2.

1.10 “Contract Eligibility Framework” means, with respect to any Proposed Contract, those criteria set forth Exhibit B.

“Khung về tính khả thi của Hợp đồng” nghĩa là những tiêu chí được quy định tại Phụ lục B liên quan đến bất kỳ Hợp đồng dự kiến nào.

1.11 “Eligible Contract” has the meaning set forth in Section 2.2.
“Hợp đồng khả thi” có nghĩa được quy định tại Khoản 2.2.

1.12 “Joint Venture Company” has the meaning set forth in the Recitals.
“Công ty liên doanh” có nghĩa được quy định trong phần Lời dẫn.

1.13 “Joint Venture Party” means each of Joint Venture Company and each SPV.
“Bên liên doanh” nghĩa là Công ty Liên doanh và SPV.

1.14 “License Agreement” means that certain License Agreement between Loop and Joint Venture Company dated as of the Effective Date, as amended, modified or supplemented from time to time (including, for the avoidance of doubt, any changes to the list of Licensed Facilities therein).

“Hợp đồng li-xăng” nghĩa là Hợp đồng li-xăng cụ thể giữa Loop và Công ty liên doanh có hiệu lực từ Ngày hiệu lực, có thể được sửa đổi, bổ sung bất kỳ thời điểm nào (bao gồm bất kỳ thay đổi nào trong danh mục các Cơ sở được cấp phép của Hợp đồng đó).

1.15 “Licensed Facilities” has the meaning set forth in the License Agreement.
“Cơ sở được cấp quyền” có nghĩa được quy định tại Hợp đồng li-xăng.

-2-

1.16 “Licensed Products” has the meaning set forth in the License Agreement.

“Sản phẩm được cấp quyền” có nghĩa được quy định trong Hợp đồng li-xăng.

1.17 “Licensed Subject Matter” has the meaning set forth in the License Agreement.

“Đối tượng được cấp quyền” có nghĩa được quy định trong Hợp đồng li-xăng.

1.18 “LLC Agreement” means the Limited Liability Company Agreement of the Joint Venture Company between Loop Innovations and IVH, as amended, modified or supplemented from time to time.

“Hợp đồng thành lập Công ty TNHH” là Hợp đồng thành lập Công ty Liên doanh dưới hình thức Công ty TNHH giữa Loop Innovations và IVH, được sửa đổi, bổ sung tại bất kỳ thời điểm nào.

1.19 “Loop Sales Contract” means a contract between a Loop Party and a third-party customer for the Loop Party’s sale to the customer, and the customer’s purchase from the Loop Party, of a specified quantity of Loop-branded Products produced using Licensed Subject Matter.

“Hợp đồng mua bán của Loop” là hợp đồng giữa Bên Loop và khách hàng để Bên Loop bán hàng cho khách hàng và khách hàng mua từ Loop lượng Sản phẩm có nhãn hiệu Loop và được sản xuất trên cơ sở sử dụng Đối tượng được cấp quyền.

1.20 “Marketing and Sale Restriction” has the meaning set forth in Section 2.7.
“Hạn chế tiếp thị và bán” có nghĩa được quy định Khoản 2.7.

1.21 “Products” means recycled or upcycled PET resins.
“Sản phẩm” có nghĩa là nhựa PET được tái chế hoặc nâng cấp.

1.22 “Proposed Contract” has the meaning set forth in Section 2.2.
“Hợp đồng dự kiến” có nghĩa được quy định tại Khoản 2.2.

1.23 “Proposed Contract Notice” has the meaning set forth in Section 2.2.
“Thông báo Hợp đồng dự kiến” có nghĩa được quy định tại Điều 2.2

1.24 “Rejection Notice” has the meaning set forth in Section 2.3.
“Thông báo không chấp nhận” có nghĩa được quy định tại Khoản 2.3.

1.25 “Review Period” has the meaning set forth in Section 2.3.
“Thời hạn soát xét” có nghĩa được quy định tại Khoản 2.3.

1.26 “SPV” means each Subsidiary of Joint Venture Company which operates a Licensed Facility.
“SPV” có nghĩa là công ty con của Công ty liên doanh vận hành Cơ sở được cấp quyền.

1.27 “Subsidiary” means, with respect to a Party, any Affiliate of the Party that is directly or indirectly controlled by the Party (with “control” having the meaning provided in Section 2).

“Công ty con” nghĩa là bất kỳ đơn vị liên kết nào của một Bên được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bởi Bên này (“kiểm soát” có nghĩa được quy định Khoản 2).

1.28 “Transferred Contract” means any Proposed Contract that is accepted or deemed accepted as a Transferred Contract pursuant to Section 2.3.

“Hợp đồng được chuyển giao” có nghĩa là bất kỳ Hợp đồng dự kiến nào được chấp nhận hoặc được coi là được chấp nhận như là Hợp đồng được chuyển giao theo Khoản 2.3.

ARTICLE 2/ ĐIỀU 2
PRODUCT SALES
BÁN SẢN PHẨM

2.1 Loop Sales Contracts. As between the Parties, subject to Section 2.7, Loop shall have the sole and exclusive right to enter into agreements for the sale of Loop-branded Products or any Products produced using Licensed Subject Matter, and the exclusive right to set the price and quantity to be supplied under each Loop Sales Contract and other terms and conditions as determined by Loop in its commercially reasonable discretion.

Hợp đồng mua bán của Loop: Giữa hai bên, phù hợp với Điều 2.7, Loop có quyền duy nhất và độc quyền xác lập hợp đồng mua Sản phẩm có nhãn hiệu Loop hoặc bất kỳ Sản phẩm nào được sản xuất trên cơ sở sử dụng các Đối tượng được cấp quyền, và độc quyền quyết định giá và khối lượng được cung cấp theo Hợp đồng mua bán và Loop cũng tự mình quyết định một cách hợp lý về thương mại các điều khoản và điều kiện khác.

-3-

2.2 Proposed Contracts and Proposed Contract Notice. Loop shall give Joint Venture Company prompt written notice, in the form of Exhibit A attached to this Agreement, [***] and (b) pursuant to which Loop offers to assign all of its rights and obligations under such Loop Sales Contract to Joint Venture Company (each such notice, a “Proposed Contract Notice”). Along with each Proposed Contract Notice, Loop shall deliver to Joint Venture Company a complete copy of the executed Loop Sales Contract (the “Proposed Contract”). The Proposed Contract Notice shall contain information necessary to establish whether the Proposed Contract meets the criteria set forth in the Contract Eligibility Framework. Each such Proposed Contract that (i) meets the criteria set forth in the Contract Eligibility Framework and (ii) contains no other terms or conditions other than those set forth in the Contract Eligibility Framework or any form of Loop Sales Contract mutually agreed in writing to be acceptable by the Parties, shall be an “Eligible Contract.” Each such Proposed Contract that does not qualify as an Eligible Contract shall be a “Considered Contract.”

Hợp đồng dự kiến và Thông báo hợp đồng dự kiến: Loop sẽ gửi cho Công ty liên doanh một thông báo bằng văn bản theo mẫu tại Phụ lục A của Hợp đồng này, [...] và (b) theo thông báo này, Loop đề nghị chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng mua bán của Loop cho Công ty liên doanh (“Thông báo hợp

đồng dự kiến”). Cùng với Thông báo hợp đồng dự kiến, Loop sẽ cung cấp cho Công ty liên doanh bản đầy đủ Hợp đồng mua bán của Loop đã được ký kết (“Hợp đồng dự kiến”). Thông báo hợp đồng dự kiến sẽ có thông tin cần thiết để xác định liệu rằng Hợp đồng dự kiến đáp ứng các tiêu chí của Khung về tính khả thi của hợp đồng. Mỗi hợp đồng dự kiến sẽ là Hợp đồng khả thi khi mà (i) đáp ứng tiêu chí được quy định trong Khung về tính khả thi của hợp đồng và (ii) không chứa đựng bất kỳ điều khoản hoặc điều kiện nào khác ngoài các điều kiện và điều khoản được quy định trong Khung về tính khả thi của hợp đồng hoặc trong Hợp đồng mua bán của Loop đã được thống nhất bằng văn bản là sẽ được chấp thuận bởi các bên. Bất kỳ Hợp đồng dự kiến nào không đủ tiêu chuẩn là Hợp đồng khả thi sẽ được coi là “Hợp đồng được xem xét”.

2.3 Acceptance of Proposed Contracts. All Eligible Contracts shall be deemed accepted by the Joint Venture Company and become a Transferred Contract on the date Loop delivers the Proposed Contract Notice for such Eligible Contract to the Joint Venture Company. In the event that the Proposed Contract Notice is a Considered Contract, the Joint Venture Company will have the right to review and determine whether to accept or reject the Considered Contract within ten (10) days following Joint Venture Company’s receipt of the Proposed Contract Notice (the “Review Period”). Joint Venture Company shall provide Loop with a written acceptance or rejection of each Considered Contract (“Acceptance Notice” or “Rejection Notice,” as applicable) within the Review Period, which acceptance or rejection shall be in Joint Venture Company’s sole discretion. If Joint Venture Company does not provide an Acceptance Notice or Rejection Notice to Loop within the Review Period, the Considered Contract will be deemed rejected by Joint Venture Company. Loop shall be entitled to present any rejected Considered Contract (whether deemed rejected or by receipt of a Rejection Notice) to an Alternate Producer on the same terms and conditions as those presented to Joint Venture Company. If Joint Venture Company provides an Acceptance Notice to Loop with respect to a Considered Contract during the Review Period, that Considered Contract shall become a Transferred Contract on the date Joint Venture Company provides that Acceptance Notice.

Chấp nhận Hợp đồng dự kiến: Tất cả các Hợp đồng khả thi sẽ được coi là được chấp nhận bởi Công ty liên doanh và trở thành Hợp đồng được chuyển giao vào ngày Loop gửi Thông báo về Hợp đồng dự kiến đó cho Công ty liên doanh. Trong trường hợp Thông báo hợp đồng dự kiến là Hợp đồng được xem xét, Công ty liên doanh có quyền soát xét và chấp nhận hay không chấp nhận Hợp đồng dự kiến trong thời hạn 10 ngày kể từ thời điểm Công ty liên doanh nhận được Thông báo Hợp đồng dự kiến (“Thời hạn soát xét”). Công ty liên doanh sẽ cung cấp cho Loop thông báo chấp nhận hoặc không nhận Hợp đồng dự kiến (“Thông báo chấp nhận” hoặc “Thông báo không chấp nhận”) trong thời hạn soát xét, việc chấp nhận hoặc không chấp nhận thuộc quyền tự quyết định của Công ty liên doanh. Nếu Công ty liên doanh không gửi Thông báo chấp nhận hoặc Thông báo không chấp nhận trong thời hạn soát xét, Hợp đồng dự kiến được coi là không được Công ty liên doanh chấp nhận. Loop có quyền đề nghị chuyển nhượng Hợp đồng đề xuất này cho Nhà sản xuất thay thế với cùng điều khoản và điều kiện đã đề nghị với Công ty Liên doanh. Nếu Công ty Liên doanh gửi Thông báo chấp nhận Hợp đồng dự kiến cho Loop trong thời hạn soát xét, Hợp đồng dự kiến sẽ trở thành Hợp đồng được chuyển giao vào ngày Công ty Liên doanh gửi Thông báo chấp nhận.

2.4 Assignment of Transferred Contracts. Promptly after the date a Proposed Contract becomes a Transferred Contract (the “Assignment Date”), Loop and Joint Venture Company shall execute and deliver an assignment and assumption agreement substantially in the form of Exhibit C attached to this Agreement (“Assignment”) pursuant to which Loop shall assign to Joint Venture Company all of Loop’s right, title, and interest in the Transferred Contract and Joint Venture Company shall assume all such rights and obligations. Without diminishing Joint Venture Company’s obligations to perform under a Transferred Contract pursuant to the assignment and assumption agreement, Joint Venture Company shall cause any applicable SPV to perform all of its assumed obligations under such Transferred Contract.

Chuyển nhượng Hợp đồng được chuyển giao: Ngay sau ngày Hợp đồng dự kiến trở thành Hợp đồng được chuyển giao (“Ngày chuyển nhượng”), Loop và Công ty Liên doanh sẽ ký kết thỏa thuận chuyển nhượng và kế thừa theo hình thức được quy định tại Phụ lục C của Hợp đồng này (“Thỏa thuận chuyển nhượng”) theo thỏa thuận này Loop sẽ chuyển nhượng cho Công ty liên doanh tất cả các quyền và lợi ích của Loop trong Hợp đồng được chuyển giao và Công ty liên doanh sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ này. Không chấm dứt nghĩa vụ của Công ty liên doanh thực hiện Hợp đồng chuyển giao theo Thỏa thuận chuyển nhượng, Công ty liên doanh sẽ giao cho bất kỳ SPV nào thực hiện nghĩa vụ được kế thừa bởi Công ty liên doanh trong Hợp đồng được chuyển giao.

2.5 Customer Interface. Joint Venture Company shall fulfill all sales of Products under all Transferred Contracts, shall invoice Authorized Customers for all sales of Products under all Transferred Contracts, and shall use commercially reasonable efforts to collect the amounts due under such invoices. At Joint Venture Company’s

request from time to time, Loop shall provide reasonable assistance to Joint Venture Company in such invoicing and collection process at Joint Venture Company's expense.

Chuyển giao khách hàng: Công ty liên doanh sẽ hoàn thành tất cả việc bán Sản phẩm theo Hợp đồng được chuyển giao, sẽ lập hóa đơn yêu cầu Khách hàng được phép thanh toán tiền bán Sản phẩm theo Hợp đồng được chuyển giao, và sẽ nỗ lực hợp lý về mặt thương mại để thu các khoản thanh toán đến hạn theo các hóa đơn này. Theo yêu cầu của Công ty liên doanh tại bất kỳ thời điểm nào, Loop sẽ hỗ trợ hợp lý cho Công ty liên doanh trong việc lập hóa đơn và thu hồi công nợ với chi phí do Công ty liên doanh chịu.

2.6 **Product Branding.** Joint Venture Company shall, and shall cause each SPV to, mark and brand all containers, packaging and related collateral for the Licensed Products in accordance with the License Agreement.

Ghi nhãn sản phẩm: Công ty liên doanh sẽ giao cho mỗi SPV ghi nhãn hiệu và nhãn sản phẩm trên tất cả các bao bì, gói hàng và các phụ kiện liên quan khác của Sản phẩm được cấp quyền theo Hợp đồng li-xăng.

-4-

2.7 **Exclusivity.** Joint Venture Company shall not, and shall cause each SPV and each of their Affiliates not to, directly or indirectly, market or sell any Loop-branded Products or any Products produced using Licensed Subject Matter to any person or entity except to Authorized Customers pursuant to a Transferred **Contract** (the "**Marketing and Sale Restriction**"); provided that if at any time during the term of this Agreement, Loop has delivered Proposed **Contract** Notices that result in Transferred Contracts having binding purchase and supply obligations for less than [***] of the then existing actual production capacity of a Licensed Facility (taking into account Joint Venture Company's reasonable forecasts based on customer requirements, seasonal variations, and other factors) in the subsequent three months (the "[***]"), Joint Venture Company may market and solicit orders for Licensed Products produced in such Licensed Facility directly to customers and potential customers and enter into supply contracts for the **sale** of Loop-branded Products or any Products produced using Licensed Subject Matter produced in such Licensed Facility with customers without being restricted by the Marketing and **Sale** Restriction. If at any subsequent time during the term of this Agreement Loop gives Joint Venture Party written notice that Loop is then capable of meeting, and is prepared to meet, the [***] and provides reasonable supporting information and documentation to Joint Venture Party with such notice, then at a date selected by Joint Venture Company that is within ninety (90) days after Joint Venture Company receives such written notice, the Market and **Sale** Restriction and the other provisions of this Section 2.7 shall go back into force. Nothing in this **Section 2.7** shall relieve Loop of any of its obligations under this Agreement.

Độc quyền: Công ty liên doanh sẽ không và cũng làm cho bất kỳ SPV hay đơn vị liên kết nào của nó không trực tiếp hoặc gián tiếp tiếp thị hoặc bán Sản phẩm có nhãn hiệu Loop hoặc bất kỳ Sản phẩm nào được sản xuất trên cơ sở sử dụng Đối tượng được cấp quyền cho bất kỳ chủ thể nào trừ Khách hàng được phép theo Hợp đồng được chuyển giao ("Hạn chế tiếp thị và bán"); tuy nhiên nếu tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn của Hợp đồng này, Loop đã gửi Thông báo Hợp đồng dự kiến dẫn đến Hợp đồng được chuyển giao có nghĩa vụ cung ứng và mua thấp hơn [...] năng lực sản xuất của một Cơ sở được cấp quyền (xem xét các dự báo hợp lý khác của Công ty liên doanh trên cơ sở yêu cầu của khách hàng, thay đổi về mùa vụ và các yếu tố khác) trong 3 tháng liên tiếp ([...]), Công ty liên doanh có thể tiếp thị và chào hàng Sản phẩm được cấp quyền được sản xuất tại Cơ sở được cấp quyền đó cho khách hàng và khách hàng tiềm năng và giao kết hợp đồng cung ứng Sản phẩm có nhãn hiệu Loop và bất kỳ Sản phẩm nào được sản xuất trên cơ sở sử dụng Đối tượng được cấp quyền và được sản xuất ở Cơ sở được cấp quyền này với khách hàng mà không phải chịu sự hạn chế bởi Hạn chế tiếp thị và bán. Nếu tại bất kỳ thời điểm tiếp theo trong thời hạn của Hợp đồng này, Loop gửi cho Công ty liên doanh thông báo bằng văn bản rằng Loop có năng lực, và chuẩn bị có năng lực, đáp ứng [...] và cung cấp thông tin và tài liệu để chứng minh, trong ngày được lựa chọn bởi Công ty Liên doanh (trong phạm vi 90 ngày kể từ khi Công ty liên doanh nhận được thông báo bằng văn bản), Hạn chế tiếp thị và bán và quy định khác của Khoản 2.7 này sẽ có hiệu lực trở lại. Khoản 2.7 ngày không miễn cho Loop khỏi bất kỳ nghĩa vụ nào trong Hợp đồng này.

ARTICLE 3/ ĐIỀU 3
LIMITATION OF LIABILITY
GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

3.1 LIMITATION OF LIABILITY. IN NO EVENT WILL EITHER PARTY BE LIABLE TO THE OTHER UNDER THIS AGREEMENT OR OTHERWISE FOR CONSEQUENTIAL, SPECIAL, INCIDENTAL, EXEMPLARY, STATUTORY, OR PUNITIVE DAMAGES ARISING OUT OF OR RELATED TO THIS AGREEMENT. JOINT VENTURE COMPANY'S TOTAL CUMULATIVE LIABILITY TO THE LOOP PARTIES WITH RESPECT TO A TRANSFERRED **CONTRACT**, IN ALL CIRCUMSTANCES AND REGARDLESS OF THE THEORY OF RECOVERY, SHALL BE LIMITED TO THE AMOUNT OF ACTUAL, DIRECT, AND DOCUMENTED DAMAGES THE APPLICABLE AUTHORIZED CUSTOMER ACTUALLY RECOVERS FROM THE LOOP PARTIES UNDER THE TRANSFERRED **CONTRACT** BASED SOLELY ON JOINT VENTURE COMPANY'S BREACH OF SUCH TRANSFERRED **CONTRACT**. JOINT VENTURE COMPANY SHALL NOT HAVE ANY LIABILITY TO ANY LOOP PARTY WITH RESPECT TO ANY ELIGIBLE **CONTRACT** THAT DOES NOT BECOME A TRANSFERRED **CONTRACT** AS PROVIDED IN SECTION 2.3. NOTWITHSTANDING THE FOREGOING, NONE OF THE FOREGOING LIMITATIONS OF LIABILITY SET FORTH IN THIS SECTION 3.1 SHALL BE AVAILABLE TO EITHER PARTY WITH RESPECT TO A BREACH OF SECTION 4, CONFIDENTIAL INFORMATION, OR FOR CLAIMS TO THE EXTENT THEY ARISE OUT OF A PARTY'S GROSS NEGLIGENCE, FRAUD, OR WILLFUL MISCONDUCT.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM: TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP MỖI BÊN KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHO BÊN CÒN LẠI THEO HỢP ĐỒNG NÀY HOẶC BẤT KỲ CƠ SỞ NÀO KHÁC CHO CÁC THIẾT HẠI ĐẶC THỦ, PHÁI SINH HOẶC CÓ TÍNH CHẤT PHÁT PHÁI SINH TỪ HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG NÀY. TỔNG TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY LIÊN DOANH ĐỐI VỚI BÊN LOOP LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG ĐƯỢC CHUYỂN GIAO, TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP VÀ KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO CĂN CỨ BỒI THƯỜNG, SẼ GIỚI HẠN TRONG MỨC BỒI THƯỜNG THỰC TẾ, TRỰC TIẾP VÀ CÓ TÀI LIỆU CHỨNG MINH MÀ KHÁCH HÀNG ĐƯỢC PHÉP ĐƯỢC HƯỞNG VÀ ĐÃ THỰC TẾ NHẬN ĐƯỢC TỪ BÊN LOOP THEO HỢP ĐỒNG ĐƯỢC CHUYỂN GIAO TRÊN CƠ SỞ DUY NHẤT LÀ HÀNH VI VI PHẠM HỢP ĐỒNG ĐƯỢC CHUYỂN GIAO CỦA CÔNG TY LIÊN DOANH. CÔNG TY LIÊN DOANH SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM CHO BÊN LOOP LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG KHẢ THI KHÔNG TRỞ THÀNH HỢP ĐỒNG ĐƯỢC CHUYỂN GIAO NHƯ THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2.3. MẶC DÙ CÓ QUY ĐỊNH TRÊN, KHÔNG GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM NÀO VỪA ĐƯỢC NÊU TẠI KHOẢN 3.1 NÀY SẼ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP BẤT KỲ BÊN NÀO VI PHẠM ĐIỀU 4 (NGHĨA VỤ BẢO MẬT) HOẶC YÊU CẦU LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH VI VI PHẠM VỚI LỖI CỐ Ý GIÁN TIẾP, VI PHẠM VỚI LỖI CỐ Ý TRỰC TIẾP HOẶC LỪA DỐI.

ARTICLE 4/ ĐIỀU 4 **CONFIDENTIAL INFORMATION** **THÔNG TIN MẬT**

4.1 Confidential Information. The term "Confidential Information" means any information disclosed by one Party to the other (i) prior to the date of this Agreement but with respect to the subject matter of this Agreement, or (ii) pursuant to this Agreement, in each case which is in written, graphic, machine readable or other tangible form and is marked "Confidential," "Proprietary" or in some other manner to indicate its confidential nature. Confidential Information may also include oral information disclosed by one Party to the other pursuant to this Agreement, provided that such information is designated as confidential at the time of disclosure and reduced to a written summary by the disclosing Party, within thirty (30) days after its oral disclosure, which is marked in a manner to indicate its confidential nature and delivered to the receiving party.

Thông tin mật: Thuật ngữ "thông tin mật" nghĩa là thông tin được cung cấp bởi một bên cho bên còn lại (i) trước ngày của Hợp đồng này nhưng liên quan đến đối tượng của Hợp đồng này, hoặc (ii) theo Hợp đồng này, trong từng trường hợp, thông tin này tồn tại ở dạng viết, đồ họa, máy có khả năng đọc hoặc bất kỳ hình thức hữu hình nào và được ghi là "Bảo mật" hoặc "Mật" hoặc bằng cách thức khác thể hiện rằng đây là thông tin mật. Thông tin mật có thể bao gồm thông tin được truyền đạt bằng miệng theo Hợp đồng này, miễn là thông tin này được thiết lập với tư cách là thông tin mật tại thời điểm cung cấp và được viết ra một cách tóm tắt bằng văn bản bởi Bên cung cấp thông tin trong phạm vi 30 ngày kể từ ngày truyền đạt bằng miệng thể hiện rằng thông tin này là thông tin mật và văn bản này được gửi cho bên tiếp nhận.

4.2 Obligation. Each Party shall treat as confidential (as set forth herein) all Confidential Information of the other Party, and shall not use such Confidential Information except as contemplated in this Agreement or as otherwise authorized in writing. Each Party shall implement reasonable procedures to prohibit the unauthorized disclosure or misuse of the other Party's Confidential Information and shall not intentionally disclose such Confidential Information to any third party except as may be necessary or useful in connection with the rights and obligations of such Party under this Agreement, and subject to confidentiality obligations similar to those set forth in this Article 4. Each of the Parties shall use at least the same procedures and degree of care that it uses to prevent the disclosure of its own confidential information of like importance to prevent the disclosure of Confidential Information disclosed to it by the other Party under this Agreement, but in no event less than reasonable care.

Nghĩa vụ: Mỗi Bên phải bảo mật (như được quy định trong Hợp đồng này) tất cả các Thông tin mật của Bên còn lại, và không được sử dụng Thông tin mật trừ trường hợp được quy định bởi Hợp đồng này hoặc được cho phép bằng văn bản. Mỗi bên sẽ thực hiện thủ tục cần thiết để cấm hành vi tiết lộ hoặc sử dụng trái phép Thông tin mật của Bên còn lại và không được cố ý cung cấp Thông tin mật cho bất kỳ bên thứ ba nào trừ trường hợp cần thiết hoặc hữu ích liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Bên này theo Hợp đồng này, phù hợp với nghĩa vụ bảo mật tương tự với nghĩa vụ được quy định tại Điều 4 này. Mỗi Bên sẽ sử dụng thủ tục và mức độ cẩn trọng (ít nhất là tương đương thủ tục và mức độ cẩn trọng mà Bên này sử dụng để bảo vệ thông tin mật của chính mình) để ngăn ngừa hành vi tiết lộ Thông tin mật được cung cấp cho Bên này theo Hợp đồng này, và trong mọi trường hợp không được thấp hơn mức độ cẩn trọng hợp lý.

4.3 Exclusions. Notwithstanding the foregoing, Confidential Information excludes information that:

Ngoại lệ: Mặc dù có quy định trên, Thông tin mật không bao gồm thông tin mà:

(a) was publicly available at the time it was disclosed or becomes publicly available through no fault of the receiving Party;

Đã được công khai ra công chúng tại thời điểm được cung cấp hoặc được công khai ra công chúng mà không phải do lỗi của Bên tiếp nhận.

(b) was known to the receiving Party, without similar confidentiality restriction, at the time of disclosure;

Bên tiếp nhận đã biết tại thời điểm cung cấp mà không chịu sự hạn chế bảo mật tương tự nào;

(c) is disclosed with the prior written approval of the disclosing Party;

Được cung cấp với sự chấp thuận trước đó của Bên cung cấp;

(d) was independently developed by the receiving Party without any use of the Confidential Information of the disclosing Party; or

Được phát triển độc lập bởi Bên tiếp nhận mà không sử dụng Thông tin mật của Bên cung cấp; hoặc

(e) becomes known to the receiving Party, without similar confidentiality restriction, from a source other than the disclosing Party without breach of this Agreement by the receiving Party.

Bên tiếp nhận biết được từ nguồn không phải là từ Bên cung cấp mà không vi phạm Hợp đồng này mà không chịu sự hạn chế bảo mật tương tự nào.

4.4 Compelled Disclosure. The receiving Party may disclose the Confidential Information of disclosing Party if compelled to do so by law, a court or other authority; provided that the receiving Party shall give the disclosing Party prompt written notice so that the disclosing Party may take steps to oppose such disclosure.

Cung cấp bắt buộc: Bên tiếp nhận có thể tiết lộ Thông tin mật của Bên cung cấp nếu bắt buộc phải làm vậy theo quy định của pháp luật hoặc lệnh của tòa án hoặc bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào; miễn là Bên tiếp nhận phải thông báo ngay lập tức bằng văn bản cho Bên cung cấp để Bên cung cấp có thể thực hiện được các bước phản đối sự tiết lộ này.

4.5 Confidentiality of Agreement. Each Party agrees that the terms and conditions, but not the existence, of this Agreement shall be treated as the other's Confidential Information and that no public reference to the terms and conditions of this Agreement or to activities pertaining to this Agreement can be made without the prior written consent of the other Party; provided, however, that each Party may disclose the terms and conditions of this Agreement: (i) as required by any court or other governmental body; (ii) as otherwise required by law; (iii) to legal counsel of the Parties; (iv) in public documents, in connection with the requirements of an initial public offering, secondary offering, or debt offering or any securities filing of the Parties; (v) in confidence, to accountants, banks, and financing sources and their advisors; (vi) in confidence, in connection with the enforcement of this Agreement or rights under this Agreement; or (vii) in confidence, in connection with a merger or acquisition or proposed merger or acquisition, or the like.

Bảo mật Hợp đồng: Mỗi bên đồng ý rằng điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, trừ sự tồn tại của Hợp đồng này, phải được coi như là Thông tin mật và không được công khai điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này hoặc các hoạt động liên quan đến Hợp đồng này ra công chúng nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại; tuy nhiên, mỗi bên có thể tiết lộ điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này: (i) nếu tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc Bên này phải làm vậy; (ii) pháp luật buộc phải làm như vậy; (iii) cung cấp cho luật sư của các Bên; (iv) trong hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng và các hồ sơ đăng ký khác liên quan đến chứng khoán; (v) cung cấp cho bên kiểm toán, ngân hàng và các đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính và các nhà tư vấn của các chủ thể này; (vi) liên quan đến thi hành Hợp đồng này hoặc quyền theo Hợp đồng này; hoặc (vii) liên quan đến sáp nhập hoặc mua lại công ty hoặc tương tự.

ARTICLE 5/ĐIỀU 5
TERM AND TERMINATION
THỜI HẠN HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT

5.1 Term. This Agreement begins on the Effective Date and shall continue indefinitely unless sooner terminated as provided in this Article 5.

Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng này sẽ có thời hạn được tính từ Ngày hiệu lực cho đến khi được chấm dứt theo quy định tại Điều 5 này.

5.2 Termination for Breach. If a Party commits a material breach of this Agreement, the non-breaching Party shall be entitled to terminate this Agreement if the breaching party does not cure the breach within thirty (30) days after the non-breaching party gives the breaching party written notice of the specific breach.

Chấm dứt do vi phạm: Nếu một Bên vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng này, Bên không vi phạm có quyền chấm dứt Hợp đồng này nếu như Bên vi phạm không khắc phục vi phạm trong thời hạn 30 ngày sau khi Bên không vi phạm gửi thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm về vi phạm cụ thể.

5.3 Other Termination. Either Party shall be entitled to terminate this Agreement by written notice to the other Party and IVH upon the dissolution of Joint Venture Company or upon termination of the License Agreement in accordance with its terms.

Trường hợp chấm dứt khác: Bất kỳ Bên nào cũng có quyền chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi thông báo bằng văn cho Bên còn lại và IVH sau khi Công ty liên doanh chấm dứt hoạt động hoặc sau khi Hợp đồng li-xãng chấm dứt theo quy định của hợp đồng đó.

5.4 Effect of Termination; Survival. The rights and obligations of the Parties under the following Articles and Sections shall survive any expiration or termination of this Agreement: Article 1, Article 3, Article 4, Article 6 and Article 7, and this Section 5.4.

Hậu quả của chấm dứt: Quyền và nghĩa vụ của các Bên theo các Điều khoản sau vẫn tồn tại mặc dù Hợp đồng chấm dứt: Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 6 và Điều 7 và Khoản 5.4 này.

ARTICLE 6/ ĐIỀU 6

REPRESENTATIONS AND WARRANTIES
TUYÊN BỐ VÀ BẢO ĐẢM

6.1 Mutual Representations and Warranties. Each Party hereby represents and warrants to the other Party that:

Tuyên bố và bảo đảm giữa các bên: Mỗi bên bằng hợp đồng này tuyên bố và bảo đảm với Bên còn lại rằng:

(a) Organization. It is a corporation (or limited liability company) duly organized (or formed), validly existing and in good standing under the laws of its state of organization (or formation);

Tổ chức: Mỗi bên là công ty cổ phần (hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn) được thành lập hợp lệ và tồn tại hợp pháp và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật của nơi thành lập.

(b) Authority; Enforceability. It has full corporate (or limited liability company) power and authority to enter into this Agreement, to carry out its obligations hereunder and to consummate the transactions contemplated hereby; its execution, delivery and performance of this Agreement and the consummation of the transactions contemplated hereby have been duly authorized by all its requisite entity action; and it has duly executed and delivered this Agreement, and (assuming due authorization, execution and delivery by the other Party) this Agreement constitutes its legal, valid and binding obligations, enforceable against it in accordance with their respective terms; and

Thẩm quyền và Hiệu lực: Mỗi bên có đầy đủ quyền năng và thẩm quyền để xác lập Hợp đồng này, để thực hiện nghĩa vụ trong Hợp đồng này và để thực hiện giao dịch được quy định trong Hợp đồng này; việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này và việc thực hiện giao dịch được quy định bởi Hợp đồng này đã được chấp thuận hoặc cho phép bởi các thủ tục nội bộ của mỗi Bên; và mỗi Bên đã tiến hành ký kết đầy đủ và hợp lệ Hợp đồng này, và (giả sử rằng Hợp đồng này cũng được ký kết và phê chuẩn hợp lệ bởi Bên còn lại) Hợp đồng này tạo ra nghĩa vụ pháp lý có giá trị ràng buộc Bên này theo các điều khoản tương ứng; và

-7-

(c) No Conflicts; Consents. Its execution, delivery and performance of this Agreement, and the consummation of the transactions contemplated hereby, do not and will not (i) violate or conflict with its organizational documents or (ii) violate or conflict with any provision of law or governmental order applicable to it; and no consent, approval, waiver or authorization is required to be obtained by it from any person (including any governmental authority) in connection with its execution, delivery and performance of this Agreement and the consummation of the transactions contemplated hereby.

Không có xung đột: việc một Bên ký kết và thực hiện Hợp đồng này và thực hiện giao dịch được quy định trong Hợp đồng này không và sẽ không (i) vi phạm hoặc xung đột với bất kỳ văn bản nội bộ nào; hoặc (ii) vi phạm hoặc mâu thuẫn với bất kỳ quy định nào của pháp luật hoặc quyết định nào của Nhà nước áp dụng cho Bên này; và không bắt buộc phải có bất kỳ phê chuẩn, từ bỏ, cho phép nào từ bất kỳ người nào (bao gồm cơ quan nhà nước có thẩm quyền) liên quan đến việc xác lập và thực hiện Hợp đồng này và thực hiện giao dịch được quy định bởi Hợp đồng này.

6.2 NO OTHER REPRESENTATIONS. THE EXPRESS REPRESENTATIONS AND WARRANTIES STATED IN THIS AGREEMENT ARE IN LIEU OF ALL OTHER REPRESENTATIONS AND WARRANTIES, EXPRESS, IMPLIED, OR STATUTORY, REGARDING THE SUBJECT MATTER OF THIS AGREEMENT, INCLUDING WITHOUT LIMITATION, THE IMPLIED WARRANTIES OF MERCHANTABILITY, FITNESS FOR A PARTICULAR PURPOSE, AND NON-INFRINGEMENT.

KHÔNG CÓ THÊM TUYÊN BỐ: TUYÊN BỐ VÀ BẢO ĐẢM ĐƯỢC THỂ HIỆN RÕ TRONG HỢP ĐỒNG NÀY THAY THẾ TẤT CẢ CÁC TUYÊN BỐ VÀ BẢO ĐẢM, DÙ LÀ ĐƯỢC THỂ HIỆN RÕ RÀNG HOẶC ĐƯỢC SUY ĐOÁN HOẶC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, LIÊN QUAN ĐẾN ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG NÀY, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN NGHĨA VỤ BẢO ĐẢM HÀNG HÓA PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG THÔNG THƯỜNG, NGHĨA VỤ BẢO ĐẢM HÀNG HÓA PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ NGHĨA VỤ BẢO ĐẢM KHÔNG XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ.

ARTICLE 7/ ĐIỀU 7
GENERAL PROVISIONS
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

7.1 Independent Contractors. The Parties are independent contractors. Nothing contained in this Agreement or done pursuant to this Agreement shall constitute either Party as the agent of the other Party for any purpose or in any sense whatsoever, or constitute the Parties as partners or joint venturers.

Quan hệ độc lập: Các bên độc lập với nhau trong quan hệ hợp đồng. Không có nội dung nào trong Hợp đồng này hoặc hành vi nào thực hiện theo Hợp đồng này làm cho bất kỳ Bên nào là người đại diện của Bên còn lại cho bất kỳ mục đích nào hoặc cho bất kỳ ý nghĩa nào, hoặc làm cho các Bên trở thành các bên hợp danh hoặc các bên liên doanh.

7.2 Amendment. No alteration, amendment, waiver, cancellation or any other change in any term or condition of this Agreement shall be valid or binding on either Party unless mutually assented to in writing by both Parties.

Sửa đổi: Bất kỳ sửa đổi, bổ sung, từ bỏ, hủy bỏ hoặc bất kỳ thay đổi nào về điều khoản hoặc điều kiện của hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được chấp nhận bằng văn bản của cả hai bên.

7.3 Notices. All notices required or permitted to be given under this Agreement shall be in writing and shall be delivered by electronic transmission (email or fax) or prepaid air express or registered airmail, postage prepaid, to the following:

Thông báo: Tất cả các thông báo bắt buộc hoặc được phép theo Hợp đồng này sẽ được lập bằng văn bản và được gửi bằng phương tiện điện tử (email hoặc fax) hoặc được gửi bằng chuyển phát nhanh hoặc thư bảo đảm (cước phí được thanh toán trước) theo các địa chỉ sau đây:

If to Loop:
Gửi cho Loop:
Loop Industries, Inc.
480 rue Fernand-Poitras
Terrebonne, Quebec J6Y 1Y4
Canada
E-mail: apenta@loopindustries.com
Attention: Antonella Penta

-8-

With a copy to:
Đồng thời gửi cho:

Wilson Sonsini Goodrich & Rosati
1700 K Street NW, 5TH Floor
Washington, DC 20006
United States of America
E-mail: jclessuras@wsgr.com
Attention: James Clessuras

If to Joint Venture Company:
Gửi cho Công ty liên doanh:

Indorama Loop Technologies, LLC
[***]
[***]
Email: _____

Attention: _____

With copies to:
Đồng thời gửi cho:

Loop Innovations, LLC
c/o Loop Industries, Inc.
480 rue Fernand-Poitras
Terrebonne, Quebec J6Y 1Y4
Canada
E-mail: apenta@loopindustries.com
Attention: Antonella Penta

Indorama Ventures Holdings LP
4235 South Stream Boulevard,
Charlotte, NC 28217
Email: hunter.stamey@us.indorama.net
Attention: Hunter Stamey

Wilson Sonsini Goodrich & Rosati
1700 K Street NW, 5TH Floor
Washington, DC 20006
United States of America
E-mail: jclessuras@wsgr.com
Attention: James Clessuras

-9-

and

Parker Poe Adams & Bernstein
401 S. Tryon Street
Suite 3000
Charlotte, NC 28202
E-mail: stevehunting@parkerpoe.com
Attention: Stephen R. Hunting

Each Party may change its address set forth above by written notice to the other.

Mỗi bên có thể thay đổi địa chỉ được quy định ở trên bằng gửi một thông báo bằng văn bản cho bên còn lại.

7.4 Choice of Law. This Agreement shall be governed by and interpreted in accordance with the laws of the State of Delaware, United States of America, without reference to conflict-of-laws principles.

Luật áp dụng: Hợp đồng này được điều chỉnh bởi và giải thích theo pháp luật của bang Delaware, Hoa Kỳ mà không dẫn chiếu đến quy phạm xung đột.

7.5 Disputes. All disputes arising out of or in connection with this Agreement shall be finally settled in accordance with Section 13.11 of the LLC Agreement and such provisions shall be incorporated herein mutatis mutandis; provided that each reference to “Party” shall be deemed a Party hereunder notwithstanding them being different entities.

Tranh chấp: Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết theo quy định tại Khoản 13.11 của Hợp đồng thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn và quy định đó cấu thành một bộ phận của Hợp đồng này bằng cách áp dụng tương tự; miễn là “Bên” trong quy định đó sẽ được coi là một Bên theo Hợp đồng này mặc cho khái niệm Bên ở quy định đó và Hợp đồng này đề cập đến các chủ thể khác nhau.

7.6 Waiver. Any failure by either Party to enforce at any time any terms and conditions of this Agreement shall not be considered a waiver of that Party's right thereafter to enforce such terms and conditions or any other terms and conditions of this Agreement.

Từ bỏ: Việc bất kỳ bên nào không yêu cầu thực hiện bất kỳ điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng này không được coi là Bên này từ bỏ quyền yêu cầu thực hiện điều khoản và điều kiện này hoặc bất kỳ điều khoản và điều kiện nào khác của Hợp đồng này.

7.7 Severability. Should any clause, sentence, section, article or paragraph of this Agreement judicially be declared to be invalid, unenforceable, or void, such decision shall not have the effect of invalidating or voiding the remainder of this Agreement.

Tính riêng biệt: Nếu bất kỳ điều, khoản, đoạn hoặc câu nào của Hợp đồng này bị tuyên bố vô hiệu, thì tuyên bố này không làm cho phần còn lại của Hợp đồng này vô hiệu.

7.8 Assignment. This Agreement shall inure to the benefit of, and shall be binding upon, the Parties and their respective successors and assigns, but neither Party may assign this Agreement without the prior written consent of the other except to a person into which it has merged or who has otherwise succeeded to all or substantially all of the business and assets of the assignor, and who has assumed in writing or by operation of law its obligations under this Agreement.

Chuyển nhượng: Hợp đồng này vì lợi ích của và ràng buộc các Bên và người kế thừa hoặc người nhận chuyển nhượng của các bên, tuy nhiên không bên nào được chuyển nhượng Hợp đồng này mà không có sự đồng ý của Bên còn lại trừ trường hợp chuyển nhượng cho người mà Bên này sáp nhập vào hoặc cho người kế thừa tất cả hoặc phần lớn hoạt động kinh doanh hoặc tài sản của Bên này hoặc người kế thừa trên cơ sở văn bản hoặc theo quy định của pháp luật nghĩa vụ trong Hợp đồng của Bên này.

7.9 Entire Agreement. This Agreement (including its Exhibits) sets forth the entire agreement between the Parties as to the subject matter hereof and supersedes all previous negotiations, agreements and writings in respect thereto and any usage of trade, and shall not be extended, supplemented or amended except by an instrument in writing duly executed by an authorized officer or representative of each Party.

Tính thống nhất: Hợp đồng này (và Phụ lục) cấu thành toàn bộ thỏa thuận giữa các Bên liên quan đến đối tượng của Hợp đồng này và thay thế tất cả các nội dung đàm phán, thỏa thuận và văn bản trước đó liên quan đến đối tượng của Hợp đồng, cũng như thay thế bất kỳ tập quán thương mại nào, và không được mở rộng, sửa đổi hoặc bổ sung trừ khi bằng văn bản được ký kết hợp pháp bởi người đại diện có thẩm quyền của các Bên.

7.10 Counterparts. This Agreement may be executed in counterparts or duplicate originals, both of which shall be regarded as one and the same instrument, and which shall be the official and governing version in the interpretation of this Agreement.

Các bản: Hợp đồng này được lập thành nhiều bản gốc, có giá trị như nhau, mỗi bản gốc được sử dụng chính thức trong giải thích Hợp đồng này.

IN WITNESS WHEREOF, the Parties have caused this Agreement to be executed in duplicate, as of the Effective Date, by their duly authorized officers or representatives.

ĐỂ LÀM BẰNG, người đại diện hợp pháp của các Bên cùng ký vào đây kể từ Ngày hiệu lực của Hợp đồng này.

Loop Industries, Inc.

Indorama Loop Technologies, LLC

By/Bởi: _____

By/Bởi: _____

Name/Tên:
Title/Chức
vị:

Name/Tên:
Title/Chức
vị:

-11-

**EXHIBIT A
PHỤ LỤC A**

**PROPOSED CONTRACT NOTICE
THÔNG BÁO HỢP ĐỒNG DỰ KIẾN**

Loop Sales Contract:
Hợp đồng của Loop:

Authorized Customer:
Khách hàng được phép:

Licensed Facility/SPV:
Cơ sở được cấp quyền:

Contract Eligibility Framework Criteria:
Tiêu chí Khung về tính khả thi của Hợp đồng:

Eligible Contract
Hợp đồng khả thi:

Considered Contract
Hợp đồng được xem xét:

[***]

Special terms and conditions of Considered Contract (i.e., terms and conditions materially affecting the above Commercial or Technical Aspects):

Điều khoản và điều kiện riêng của Hợp đồng được xem xét (cụ thể, điều khoản và điều kiện ảnh hưởng đáng kể đến các Khía cạnh thương mại hoặc kỹ thuật trên)

**EXHIBIT B
PHỤ LỤC B**

**CONTRACT ELIGIBILITY FRAMEWORK
KHUNG VỀ TÍNH KHẢ THI CỦA HỢP ĐỒNG**

[***]

* The specific values for the criteria will be agreed by the Parties after the Effective Date, and may be revised from time to time upon the mutual written agreement of the Parties.

Giá trị riêng cho từng tiêu chí sẽ được thống nhất bởi các Bên sau Ngày hiệu lực và có thể được sửa đổi tại bất kỳ thời điểm nào nếu được chấp thuận bằng văn bản của cả hai bên.

EXHIBIT C
PHỤ LỤC C

FORM OF ASSIGNMENT AND ASSUMPTION AGREEMENT
THỎA THUẬN CHUYỂN NHƯỢNG VÀ KẾ THỪA

This Assignment and Assumption Agreement (this “Assignment”), dated as of __, 2018 (the “Assignment and Assumption Date”), is made by and between Loop Industries, Inc., a Nevada corporation with a principal place of business at 480 Fernand-Poitras, Terrebonne, Quebec, Canada (the “Assignor”), and Indorama Loop Technologies, LLC, a Delaware limited liability company with a principal place of business at [***] (the “Assignee”) (each of Assignor and Assignee is a “Party,” together they are the “Parties”).

Thỏa thuận chuyển nhượng và kế thừa (“Thỏa thuận chuyển nhượng”) được xác lập ngày _____ (Ngày chuyển nhượng và kế thừa) giữa Loop Industries, Inc., công ty cổ phần bang Nevada có trụ sở chính tại 480 Fernand-Poitras, Terrebonne, Quebec, Canada (“Bên chuyển nhượng”), và Indorama Loop Technologies, LLC, công ty trách nhiệm hữu hạn bang Delaware có trụ sở chính tại [...] (“Bên nhận chuyển nhượng”) (Mỗi Bên chuyển nhượng hoặc Bên nhận chuyển nhượng được gọi là “Bên”, và cùng được gọi là “các Bên”)

RECITALS
LỜI DẪN

A. On August __, 2018, the Parties entered into a Marketing Agreement (the “Marketing Agreement”) pursuant to which the Assignor may assign its rights and obligations under certain Loop Sales Contracts to the Assignee (capitalized terms used herein but not defined herein shall have the respective meanings ascribed to them in the Marketing Agreement).

Vào ngày _____, 2018, các Bên đã xác lập Hợp đồng tiếp thị (“Hợp đồng tiếp thị”) theo đó Bên chuyển nhượng có quyền chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng mua bán cụ thể của Loop cho Bên nhận chuyển nhượng (thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Thỏa thuận này nhưng không được định nghĩa ở trong Thỏa thuận này sẽ có nghĩa được xác định trong Hợp đồng tiếp thị).

B. Thereafter, the Assignor and [name of other party to sales **contract**] (the “Buyer”) entered into the Loop Sales **Contract** attached as Exhibit A pursuant to which, *inter alia*, the Assignor agreed to manufacture and deliver Loop-branded Product to the Buyer.

Sau đó, Bên chuyển nhượng và [ghi tên của bên còn lại trong Hợp đồng mua bán] (“Bên mua”) xác lập Hợp đồng mua bán của Loop (tại Phụ lục A) theo đó, cùng với những cái khác, Bên chuyển nhượng đã đồng ý sản xuất và giao Sản phẩm có nhãn hiệu Loop cho Bên mua.

C. Pursuant to Section 2.4 of the Marketing Agreement, the Assignor desires to assign all rights and obligations under the Loop Sales **Contract** (the “Transferred Contract”) to the Assignee, and the Assignee desires to accept such assignment and assume such obligations on the terms and conditions of this Assignment.

Theo Khoản 2.4 của Hợp đồng tiếp thị, Bên chuyển nhượng có nguyện vọng chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng mua bán của Loop (“Hợp đồng được chuyển giao”) cho Bên nhận chuyển nhượng, và Bên nhận chuyển nhượng có nguyện vọng nhận chuyển nhượng và kế thừa các nghĩa vụ theo các điều khoản và điều kiện của Thỏa thuận này.

In consideration of the mutual covenants in this Assignment, and other good and valuable consideration, the Parties agree as follows:

Vì sự trao đổi các cam kết trong Thỏa thuận này và sự đền bù có giá trị, các bên thống nhất như sau:

AGREEMENT
THỎA THUẬN

1. Assignment and Assumption

Chuyển nhượng và Kế thừa:

a. The Assignor hereby assigns, transfers, and conveys to and in favor of the Assignee all of the Assignor's right, title, and interest in, to, and under the Transferred **Contract**, together with its related rights, warranties, remedies, powers, and privileges (collectively, the "Assigned Rights"). The Assignee hereby accepts the Assigned Rights.

Bên chuyển nhượng bằng Thỏa thuận này chuyển nhượng và chuyển giao cho và vì lợi ích của Bên nhận chuyển nhượng tất cả các quyền và lợi ích của Bên chuyển nhượng trong Hợp đồng được chuyển giao, cùng với các quyền, quyền yêu cầu bảo hành, chế tài, quyền năng và đặc quyền liên quan (gọi chung là "Quyền được chuyển nhượng"). Bên nhận chuyển nhượng bằng Hợp đồng này chấp nhận Quyền được chuyển nhượng.

b. The Assignor hereby delegates and transfers to the Assignee all obligations of the Assignor under the Transferred **Contract** that accrue during the term of this Assignment (collectively, the "Assumed Obligations"). The Assignee hereby agrees to perform the Assumed Obligations in accordance with their terms.

Bên chuyển nhượng bằng Thỏa thuận này chuyển giao cho Bên nhận chuyển nhượng tất cả các nghĩa vụ của Bên chuyển nhượng trong Hợp đồng được chuyển giao phát sinh trong thời hạn của Thỏa thuận chuyển nhượng này (gọi chung là "Nghĩa vụ được kế thừa"). Bên nhận chuyển nhượng bằng Thỏa thuận này đồng ý thực hiện nghĩa vụ được kế thừa theo các điều khoản về nghĩa vụ.

2. Assignor Representations and Warranties. The Assignor represents and warrants that:

Tuyên bố và bảo đảm của Bên chuyển nhượng: Bên chuyển nhượng tuyên bố và bảo đảm rằng:

a. The Transferred **Contract** is in full force and effect and is enforceable in accordance with its terms;

Hợp đồng được chuyển giao có hiệu lực đầy đủ và có giá trị thi hành theo điều khoản của nó.

b. Exhibit A contains the entire agreement of the Assignor and Buyer relating to the Transferred **Contract**, and the Transferred **Contract** has not been amended or modified in any way;

Phụ lục A chứa đựng đầy đủ nội dung thỏa thuận giữa Bên chuyển nhượng và Bên mua liên quan đến Hợp đồng được chuyển giao, và Hợp đồng được chuyển giao không được sửa đổi hoặc bổ sung bằng bất kỳ cách nào;

c. There are no disputes, pending or threatened, related to the Transferred **Contract**;

Không có bất kỳ tranh chấp nào dù đang được giải quyết hoặc sắp xảy ra liên quan đến Hợp đồng được chuyển giao.

d. No event or condition has occurred that is, or with the passage of time would be, a default under the Transferred **Contract**; and

Không có bất kỳ sự kiện nào đã xảy ra mà với thời gian trôi qua sẽ trở thành vi phạm theo Hợp đồng được chuyển giao.

e. Buyer has consented in writing to this Assignment, either in the express terms of the Transferred **Contract** or in a separate signed consent the Assignor has delivered to the Assignee.

Bên mua đã đồng ý bằng văn bản đối với Thỏa thuận chuyển nhượng này, dù sự đồng ý này tồn tại dưới dạng một điều khoản được thể hiện rõ ràng trong Hợp đồng được chuyển giao hoặc dưới dạng một văn bản đồng ý mà Bên chuyển giao đã bàn giao cho Bên nhận chuyển nhượng.

3. SPV. The Assignee may assign the Assigned Rights and may delegate the Assumed Obligations to an SPV in accordance with the terms of the Marketing Agreement.

SPV: Bên nhận chuyển nhượng có thể chuyển nhượng Quyền được chuyển nhượng và chuyển giao Nghĩa vụ được kế thừa theo quy định của Hợp đồng tiếp thị.

4. Counterparts. This Assignment may be executed in counterparts or duplicate originals, all of which shall be regarded as one and the same instrument.

Số bản: Thỏa thuận chuyển nhượng này được lập thành các bản gốc có giá trị như nhau.

5. Governing Law. This Assignment shall be governed by and interpreted in accordance with the laws of the State of Delaware, United States of America, without reference to conflict-of-laws principles.

Luật điều chỉnh: Thỏa thuận chuyển nhượng này được điều chỉnh bởi và giải thích theo Luật của bang Delaware, Hoa Kỳ mà không dẫn chiếu đến quy phạm xung đột.

6. Further Assurances. Each Party shall, at its own expense, execute and deliver such other documents and perform such other acts as may be reasonably necessary to effect this Assignment.

Cam kết thêm: Mỗi bên sẽ, bằng chi phí của mình, ký và phát hành tài liệu khác hoặc thực hiện hành vi khác một cách hợp lý để làm cho Thỏa thuận chuyển nhượng này có hiệu lực.

7. Amendments. No alteration, amendment, waiver, cancellation, or any other change in any term or condition of this Assignment shall be valid or binding on either Party unless both Parties agree in writing.

Sửa đổi: Bất kỳ sửa đổi, bổ sung, từ bỏ, hủy bỏ hoặc bất kỳ thay đổi nào về điều khoản hoặc điều kiện của Thỏa thuận chuyển nhượng này chỉ có hiệu lực khi được chấp nhận bằng văn bản của cả hai bên.

8. Successors and Assigns. This Assignment shall inure to the benefit of, and shall be binding upon, the Parties and their respective successors and assigns, but, except as provided in Section 3 above, neither Party may assign this Assignment without the prior written consent of the other Party.

Người kế thừa và người nhận chuyển nhượng: Thỏa thuận chuyển nhượng này vì lợi ích và ràng buộc các Bên và người kế thừa và người nhận chuyển nhượng tương ứng, tuy nhiên, trừ trường hợp được quy định tại Khoản 3 ở trên, không bên nào được chuyển nhượng Thỏa thuận chuyển nhượng này nếu không được Bên còn lại đồng ý bằng văn bản.

9. Severability. Should any clause, sentence, section, article or paragraph of this Assignment judicially be declared to be invalid, unenforceable, or void, such decision shall not have the effect of invalidating or voiding the remainder of this Assignment.

Tính riêng biệt: Nếu có bất kỳ điều, khoản, đoạn hoặc câu của Thỏa thuận chuyển nhượng này bị tuyên bố vô hiệu thì tuyên bố này không ảnh hưởng đến hiệu lực của Thỏa thuận chuyển nhượng này.

10. No Third Party Beneficiaries. This Assignment is solely for the benefit of the Assignor and the Assignee and their successors and permitted assigns, and no right or cause of action shall accrue by reason hereof for the benefit of any third party.

Không vì lợi ích của người thứ ba: Thỏa thuận chuyển nhượng này chỉ vì lợi ích của Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng và người kế thừa và người nhận chuyển nhượng được phép của họ, người thứ ba không có bất kỳ quyền nào phát sinh từ Hợp đồng này.

The Parties have caused this Assignment and Assumption Agreement to be executed in duplicate, as of the Assignment and Assumption Date, by their duly authorized officers or representatives.

Người đại diện hợp pháp của các Bên cùng ký vào Thỏa thuận chuyển nhượng quyền này kể từ Ngày chuyển nhượng và kế thừa.

Loop Industries, Inc.

Indorama Loop Technologies, LLC

By/Bởi: _____

By/Bởi: _____

Name/Tên: _____

Name/Tên: _____

Title/Chức
vụ: _____

Title/Chức
vụ: _____

**EXHIBIT A TO ASSIGNMENT AND ASSUMPTION AGREEMENT
PHỤ LỤC A CỦA THỎA THUẬN CHUYỂN NHƯỢNG VÀ KẾ THỪA**

**LOOP SALES CONTRACT
HỢP ĐỒNG MUA BÁN CỦA LOOP**